TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 562/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/12/2023
"*V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Phúc Thịnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Đỗ Quang Hiếu; Ông Nguyễn Xuân Thuật.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa*: Bà Cấn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/12/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 482/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/11/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐT, huyện BV, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn*: Anh Lê Hữu N, sinh năm 1990.

HKTT: Thôn CM, xã VT, huyện BV, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 39 – K3Trại giam QT, xã TÁ, thị trấn SD, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T và anh N đều xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 24/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và anh Lê Hữu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, ngày 15/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại xã VT, huyện BV. Vợ chồng chung sống với nhau 13 năm nhưng không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh N chơi bời, nghiện ngập, không quan tâm đến gia đình, con cái, anh Nbị đi trại nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, hiện anh N đang chấp hành án tại trại giam với mức án chung thân, một mình chị phải chăm lo gia đình và nuôi dưỡng các con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân hiện tại không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Nhất.

- Về con chung: Tôi và anh Ncó 03 con chung là Lê Hải Đ, sinh ngày 24/6/2011, Lê Thị Kim N1, sinh ngày 28/02/2013 và Lê Thị Ngân G, sinh ngày 02/8/2018. Hiện 03 cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cả 03 con đến trưởng thành và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Giữa tôi và anh N không có.

** Anh Lê Hữu N hiện đang chấp hành án tại Đội 39 – K3Trại giam Q T. Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tống đạt các văn bản tố tụng đối với anh Lê Hữu N và ủy thác thu thập chứng cứ. Tại Văn bản ghi ý kiến ngày 01/11/2023, Bản tự khai ngày 20/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Hữu N trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và chị T tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã VT. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, từ tháng 12/2020 tôi bị bắt và chấp hành án tại trại giam QT, vì hoàn cảnh tôi đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi và chị T có 03 con chung là Lê Hải Đ, sinh ngày 24/6/2011, Lê Thị Kim N1, sinh ngày 28/02/2013 và Lê Thị Ngân G, sinh ngày 02/8/2018. Hiện 03 cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn tôi đồng ý giao cả 03 cháu cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Giữa tôi và chị T không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì không tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được lý do anh N đang phải chấp hành án, quá trình giải quyết vụ án và tại văn bản xin xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát có bài phát biểu tại phiên tòa: Về trình tự tố tụng giải quyết vụ án được TAND huyện Ba Vì tuân thủ đúng và đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự. Từ khi nhận đơn, giải quyết đơn, ra thông báo thụ lý, lấy lời khai và ra quyết định xét xử, tống đạt, các văn bản tố tụng đều hợp lệ và đều đảm bảo đúng quy trình tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Phùng Thị T, cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Lê Hữu N. Về con chung: có 3 con chung là Lê Hải Đ, sinh ngày 24/6/2011, Lê Thị Kim N1, sinh ngày 28/02/2013 và Lê Thị Ngân G, sinh ngày 02/8/2018, đề nghị HĐXX giao cả 03 cháu cho chị T được nuôi dưỡng vì hiện nay anh Nđang phải chấp hành án. Về cấp dưỡng nuôi con chung: do chị T không yêu cầu cấp dưỡng, đề nghị HĐXX tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ncho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung,công sức, nợ chung: Không có. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Hữu N có hộ khẩu thường trú tại xã VT, huyện BV, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, anh Nđã có văn bản ghi ý kiến và có đơn xin vắng mặt các giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phùng Thị T và anh Lê Hữu N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký tại UBND xã VT ngày 15/12/2010. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Nchơi bời, nghiện ngập, nhiều lần bị đi chấp hành án tại trại giam, không chăm lo được cho gia đình vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, không có sự yêu thương, cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu nhau. Nay chị T xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn. Anh N không tham gia tố tụng nhưng có văn bản trình bày quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy việc vợ chồng đã không chung sống cùng nhau và không khắc phục được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ

với nhau được nữa. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Lê Hữu N là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về con chung: Chị T và anh N có 03 con chung là Lê Hải Đ, sinh ngày 24/6/2011, Lê Thị Kim N1, sinh ngày 28/02/2013 và Lê Thị Ngân G, sinh ngày 02/8/2018. Hiện 03 cháu đang ở với chị T.

Xét yêu cầu của chị T có nguyện vọng nuôi cả 03 con đến trưởng thành và không yêu cầu anh Nphải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N cũng đồng ý giao cả 03 con cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành. Cháu Lê Hải Đ và Lê Thị Kim N1 đều có nguyện vọng ở với chị T. Do đó, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của các cháu Đăng, Ngân, chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung giữa chị T, anh Nhất, giao cả 03 cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 24/6/2011, Lê Thị Kim N1, sinh ngày 28/02/2013 và Lê Thị Ngân G, sinh ngày 02/8/2018 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi là có căn cứ, đúng pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Nhất cho đến khi có yêu cầu hoặc thay đổi khác là có căn cứ, đúng pháp luật.

Anh Lê Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Chị T và anh N đều xác nhận không có.

[3] Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị T đối với anh Lê Hữu N. Cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Lê Hữu N.

[2]. Về con chung: có 03 con chung là Lê Hải Đ, sinh ngày 24/6/2011, Lê Thị Kim N1, sinh ngày 28/02/2013 và Lê Thị Ngân G, sinh ngày 02/8/2018.

Giao cho chị Phùng Thị T được nuôi dưỡng cả 03 con chung: cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 24/6/2011, cháu Lê Thị Kim N1, sinh ngày 28/02/2013 và cháu Lê Thị Ngân G, sinh ngày 02/8/2018 cho đến khi các cháu Lê Hải Đ, Lê Thị Kim N1, Lê Thị Ngân G tròn 18 tuổi hoặc có yêu cầu thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lê Hữu N cho đến khi chị Phùng Thị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Lê Hữu N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, mà không ai được cản trở

[3]. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không có

[4]Về án phí: Chị Phùng Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số: 0013770 ngày 24/10/2023 tại Chi cục Thi hành án huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

[5]. Quyền kháng cáo:

Chị Phùng Thị T và anh Lê Hữu N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã VT
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Phúc Thịnh